

Số: 40 /2024/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 04 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Nam Định

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Thực hiện Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc cho ý kiến quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với phân diện tích có mặt nước trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 383/TTr-STC ngày 03 tháng 10 năm 2024; Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số 1639/BC-STP ngày 02 tháng 10 năm 2024 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Nam Định như sau:

1. Mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất

Mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất một năm đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm không thông qua hình thức đấu giá như sau:

- a) Đất thuê thuộc các khu vực, tuyến đường trên địa bàn thành phố Nam Định và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung: 1,0%;
- b) Đất thuê thuộc các khu vực, tuyến đường trên địa bàn các thị trấn trong tỉnh: 1,0%;
- c) Đất thuê thuộc các khu vực, tuyến đường tại các khu vực còn lại: 0,75%.

2. Mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm

Đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Đất đai năm 2024 được tính như sau:

- a) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm có cùng mục đích sử dụng đất;
- b) Trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, đơn giá thuê đất được tính bằng 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng đất.

3. Mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất có mặt nước

Đối với phần diện tích đất có mặt nước quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm, đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê được tính bằng 50% của đơn giá thuê đất hằng năm hoặc đơn giá thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc quy định tỷ lệ phần trăm (%) giá đất để xác định đơn giá thuê đất và đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Nam Định; Quyết định số 19/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung quyết định số 07/2015/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh, Trang TTĐT VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3, VP5, VP6.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Anh Dũng

(Handwritten mark)